

HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH DÀNH CHO KHÁCH HÀNG

	HOSE (SGDCKTPHCM)	CK NIÊM YẾT (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
1.Chứng khoán	Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, trái phiếu đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP. HCM	Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, trái phiếu đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP. HN	Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi đăng ký giao dịch tại sàn Upcom - SGDCK Hà Nội
2.Thời gian	Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định của Bộ Luật Lao động		
	9:00 đến 9h15: Mở cửa phiên sáng, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATO, giới hạn (LO) 9h15-11h30': Khớp lệnh liên tục I -Phiên sáng :Lệnh sử dụng: LO, MP	Từ 9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng: LO, Lệnh thị trường (MOK,MAK, MTL)	Từ 9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng: LO
	9h00-11h30: Giao dịch thỏa thuận		
	11h30 đến 13h00: Nghỉ		
	13h00-14h30: Khớp lệnh liên tục II -Phiên chiều :Lệnh sử dụng LO, MP	Từ 13h00 đến 14h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO, Lệnh thị trường (MOK,MAK, MTL) Từ 14h30- 14h45: Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO) Lưu ý: Lệnh ATC: Chỉ được hủy, không được sửa; Trong 5 phút cuối phiên tất cả các loại lệnh không được hủy, sửa)	Từ 13h00 đến 15:00: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO
	14h30 đến 14h45: Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO)		
	13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận		
Đóng cửa Thị Trường : 15h00			
3. Phương thức giao dịch	Giao dịch khớp lệnh:		
	a. Phương thức khớp lệnh định kỳ		
	So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên mở cửa (9h15) và đóng cửa (14h45)	So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên đóng cửa (14h45)'. Không áp dụng	
	b.Phương thức khớp lệnh liên tục so khớp ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch		
c.Giao dịch thỏa thuận : các bên mua bán thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch.Sau đó, giao dịch sẽ được công ty chứng khoán thành viên bên bán và mua nhập vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả (Áp dụng cho cả CP/ TP/CCQ)			

<p>d. Nguyên tắc so khớp lệnh</p> <p>(i) <i>Ưu tiên về giá</i>: Các lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước; các lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.</p> <p>(ii) <i>Ưu tiên về thời gian</i>: Đối với các lệnh mua (hoặc lệnh bán) có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước</p> <p>Nếu các lệnh đối ứng cùng thỏa mãn nhau về giá thì giá khớp sẽ là giá của lệnh được nhập vào hệ thống trước.</p>			
4. Loại lệnh	<p>ATO (ATC): Là lệnh đặt mua /bán chứng khoán tại mức giá mở cửa (đóng cửa).</p>	Chỉ áp dụng lệnh ATC	Không áp dụng
	<p>* Là lệnh không ghi giá cụ thể, ghi ATO/ATC</p> <p>* Lệnh được ưu tiên trước lệnh L.O trong khi so khớp lệnh và tự động hủy nếu không khớp.</p>		
	<p>Lệnh thị trường: là lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh thị trường được sử dụng trong đợt giao dịch khớp lệnh liên tục. Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng</p> <p>Loại lệnh thị trường áp dụng (MP) :</p> <p>* MP: Phần còn lại của lệnh chưa được khớp (nếu có) sẽ chuyển thành lệnh giới hạn tại mức giá mua cao hơn (hoặc giá bán thấp hơn) một bước giá so với mức giá khớp cuối cùng.</p>	<p>Loại lệnh thị trường áp dụng (MAK, MOK, MTL)</p> <p>* MOK (Match or Kill): Lệnh thị trường với thuộc tính FOK (Fill or Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh</p> <p>* MAK (Match and Kill) : Lệnh thị trường với thuộc tính FAK (Fill and Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh</p> <p>* MTL (Market to limit): Lệnh thị trường – Giới hạn: Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.</p>	Không áp dụng
<p>L.O (Lệnh giới hạn)</p> <p>* Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn.</p>			

	* Là lệnh có ghi giá cụ thể.		
	* Hiệu lực của lệnh: đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.		
5. Giá tham chiếu (TC)	Giá tham chiếu được tính bằng giá khớp lệnh của phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa của ngày giao dịch liền trước		Giá TC là bình quân gia quyền các mức giá thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch liền trước đó.
	a/ CP/CCQ: ± 7% Giá trần = Giá tham chiếu + 7% Giá sàn = Giá tham chiếu – 7% b/ Trái phiếu: không quy định.	a. Cổ phiếu : ±10% Giá trần = Giá tham chiếu + 10% Giá sàn = Giá tham chiếu – 10% b. Trái phiếu : Không quy định	a. Cổ phiếu : ±15% Giá trần = Giá tham chiếu + 15% Giá sàn = Giá tham chiếu – 15% b. Trái phiếu : Không quy định
6. Biên độ dao động giá	Trường hợp giá trần và giá sàn của CP,CCQ sau khi điều chỉnh theo biên độ giao động vẫn bằng với giá tham chiếu , giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá ; Giá sàn = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá		
	c/ CP/CCQ ngày giao dịch đầu tiên:	c/ CP ngày giao dịch đầu tiên/Ngưng 25 phiên giao dịch liên tiếp:	
	CP- CCQ phải có mức giá khởi điểm do tổ chức tư vấn xác định và được sở GD chấp thuận làm giá tham chiếu	± 40% so với giá tham chiếu	
	Biên độ dao động giá: tối thiểu ± 20%	Biên độ dao động giá: ± 30%	
	Cách thức đặt lệnh CP/CCQ ngày giao dịch đầu tiên giống như CP/CCQ đang niêm yết (Tuy nhiên không cho phép thực hiện lệnh giao dịch thỏa thuận)	Đối với cổ phiếu mới được niêm yết và cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên 25 phiên, trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc ngày giao dịch trở lại; không được thực hiện giao dịch thỏa thuận cho đến khi có giá cơ sở được xác lập	
7. Đơn vị giao dịch	a/ Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ	a/ Cổ phiếu	a/ Cổ phiếu/Trái phiếu
	<i>Áp dụng cho GD khớp lệnh.</i>		
	1 lô = 10 CP/CCQ	1 lô = 100 CP	1 lô = 100 CP/100 TP
	Lô chẵn: bội số của 10, từ 10 – 19.990	Lô chẵn: bội số của 100, từ 100	Lô chẵn: bội số của 100, từ 100
	Lô lẻ: 1-9 CP/CCQ	Lô lẻ 1-99 CP	Lô lẻ: 1-99CP/TP
	<i>Áp dụng cho GD thỏa thuận.</i>		
	SL ≥ 20.000	SL ≥ 5.000 CP	Không quy định

	b/ Trái phiếu Giao dịch thỏa thuận	b/ Trái phiếu Khớp lệnh liên tục: từ 100 Trái phiếu. Lô chặn: bội số của 100, từ 100	
	Không quy định SL	KL thỏa thuận: ≥ 1000 Trái phiếu.	
8. Bước giá	a/ CP/CCQ Thị giá ≤ 49.900 đồng: 100 đồng. Thị giá từ 50.000 – 99.500 đồng: 500 đồng. Thị giá ≥ 100.000 đồng: 1000 đồng. b/ Trái phiếu Không quy định.	a/ Cổ phiếu Bước giá: 100 đồng . Không quy định bước giá đối với giao dịch thỏa thuận b/ Trái phiếu Không quy định.	
9. Giao dịch lô lẻ	Không được phép đặt lệnh trên sàn Giao dịch ngoài sàn	- Thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức thỏa thuận - Chỉ được phép nhập lệnh LO (hủy/ sửa lệnh tương tự đối với giao dịch lô chặn) - Đơn vị giao dịch là 01 cổ phiếu/Trái phiếu (1-99) - Giá giao dịch: tương tự giao dịch lô chặn; các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá tham chiếu, giá tính chỉ số. - Không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết / ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá đóng	
10. Phương thức nhận lệnh	Giao dịch trực tiếp tại sàn. Giao dịch qua điện thoại: 04.39366990 Giao dịch trực tuyến : https://trading.vcbs.com.vn/OnlineTrading .		
11. Quy định chung	Mỗi nhà đầu tư chỉ có thể mở 1 tài khoản tại 01 công ty chứng khoán và được phép mở tài khoản ở nhiều công ty chứng khoán Nhà đầu tư có thể cùng mua và bán 1 loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong cùng ngày. Tuy nhiên không được cùng tồn tại 2 lệnh Mua/ bán chứng khoán này ở trạng thái đang chờ khớp Nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ chứng khoán khi đặt lệnh bán và đủ tiền ký quỹ khi đặt lệnh mua theo quy định.		

Trong thời gian nghỉ giữa phiên giao dịch : Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mới (lệnh chờ chuyển vào sàn giao dịch) cho phiên giao dịch buổi chiều qua Dịch vụ giao dịch trực tuyến từ 11.30h đến 13h hoặc tại các quầy giao dịch. Lệnh chờ được lưu giữ trong hệ thống giao dịch của VCBS và sẽ chuyển vào hệ thống giao dịch các Sở khi bắt đầu phiên giao dịch buổi chiều ; Nhà đầu tư có thể Hủy/Sửa thông tin lệnh mới ở trên khi lệnh chưa khớp. Đồng thời Các lệnh chưa khớp ở phiên buổi sáng được tiếp tục có hiệu lực vào phiên buổi chiều.